

- Điều tra xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu, đánh giá những tác động của hệ sinh thái rừng và những diễn biến của nó đến môi trường khí hậu thủy văn cho 2 vùng Tây Nguyên và Tây Bắc.

- Xây dựng các bảng biểu phục vụ điều tra quy hoạch rừng: chỉ tiêu tăng trưởng rừng tự nhiên, biểu tăng trưởng rừng trồng cho một số loài cây chủ yếu của 2 vùng Tây Nguyên và Tây Bắc.

d) Xử lý thông tin và xây dựng ngân hàng dữ liệu:

- Thiết kế và xây dựng chương trình xử lý thông tin trên máy tính,

- Nạp và tổ chức quản lý thông tin số liệu, bản đồ trên máy,

- Xử lý số liệu của 3642 ô sơ cấp,

- Tổng hợp xây dựng bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng của 37 tỉnh có tỷ lệ 1/100.000, các vùng tỷ lệ 1/250.000 và toàn quốc tỷ lệ 1/1.000.000 và hệ thống các bản đồ chuyên đề theo kế hoạch hàng năm,

- Xây dựng ngân hàng dữ liệu về tài nguyên rừng, đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin phục vụ cho Chương trình và cho công tác quản lý tài nguyên rừng của ngành.

2. Phân tích đánh giá biến động tài nguyên rừng:

- Điều tra theo dõi biến động tài nguyên rừng của 50 xã điển hình (2 lần trong 5 năm).

- Điều tra, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng của 4 vùng trọng điểm.

- Tổng hợp báo cáo đánh giá diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc.

3. Hoàn thiện hệ thống điều tra rừng liên tục, nhằm đánh giá, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, dựa trên hệ thống ô sơ cấp, ô định vị và các điểm theo dõi (xã).

4. Tổng hợp báo cáo kết quả chương trình.

- Báo cáo hàng năm.

- Báo cáo kết quả toàn Chương trình vào năm 2000.

Điều 2.- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ quản Chương trình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo Viện Điều tra quy hoạch rừng là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình, xác nhận

kết quả thực hiện Chương trình hàng năm trên cơ sở báo cáo nghiệm thu của Viện.

2. Tổ chức nghiệm thu kết quả của Chương trình vào cuối chu kỳ (năm 2000), và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các ngành hữu quan và địa phương, chỉ đạo tổ chức thực hiện hệ thống ô định vị quốc gia.

4. Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện chế độ quyết toán vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm và toàn chu kỳ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và thực hiện định mức lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Xây dựng Chương trình Điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 2001 - 2005 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 3.- Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự toán kinh phí hàng năm cho Chương trình theo tiến độ và chế độ quy định, bảo đảm cho Chương trình thực hiện đạt kết quả.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bộ trưởng các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ số 6-TT/LBKH/TC

ngày 29-4-1997 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 531-TTg ngày 8-8-1996 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các chương trình quốc gia.

Ngày 8 tháng 8 năm 1996 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 531-TTg về quản lý các chương trình quốc gia. Thực hiện Điều 19 của Quyết định số 531-TTg, liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính hướng dẫn một số điểm chủ yếu như sau:

Phần I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Cần cứ vào nội dung của Quyết định số 531-TTg, các chương trình mục tiêu sau khi đã được Quốc hội thông qua trong danh mục Chương trình quốc gia đều thuộc phạm vi áp dụng của Thông tư này.

Các chương trình mục tiêu có các tính chất sau đây không thuộc các chương trình quốc gia:

- Các chương trình mang tính chất công việc thường xuyên của các Bộ, ngành;
- Các chương trình được đầu tư hoàn toàn theo cơ chế đầu tư xây dựng cơ bản và được bố trí thường xuyên trong kế hoạch hàng năm;
- Các chương trình chuyên sâu như nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;
- Các chương trình mang tính kinh tế - kỹ thuật đơn thuần không gắn với mục tiêu bức xúc về kinh tế - xã hội, không có tính liên ngành và thời gian thực hiện không được xác định rõ ràng;
- Các chương trình và lĩnh vực phát triển ghi trong báo cáo kế hoạch 5 năm, mang mục tiêu rộng lớn bao gồm nhiều lĩnh vực.

Phần II

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH HÓA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

Kế hoạch hóa chương trình quốc gia gồm các khâu công việc sau:

- Đề xuất chương trình, dự án.
- Xây dựng chương trình, dự án.
- Thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án.
- Thực hiện chương trình, dự án.
- Theo dõi đánh giá chương trình, dự án.

I. ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

Cần cứ vào Điều 4 của Quyết định số 531-TTg, các Bộ, Ủy ban quốc gia, Tổng cục (sau đây gọi chung là Bộ) dựa vào các tiêu chuẩn của chương trình quốc gia quy định tại Điều 3 Quyết định số 531-TTg, đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính danh mục các chương trình quốc gia của ngành mình trong từng kỳ kế hoạch. Công việc này được tiến hành vào giai đoạn hướng dẫn xây dựng kế hoạch hàng năm (tháng 4, tháng 5 hàng năm).

Nội dung chủ yếu văn bản đề xuất chương trình quốc gia bao gồm:

1. Sự cần thiết phải giải quyết vấn đề của ngành bằng chương trình quốc gia.
2. Mục tiêu tổng quát của chương trình.
3. Dự kiến thời gian thực hiện chương trình.
4. Địa bàn thực hiện chương trình: cả nước, hoặc vùng cụ thể.
5. Xác định sơ bộ tổng mức vốn của chương trình chia theo nguồn.
6. Tính toán sơ bộ đối tượng tác động và hiệu quả của chương trình.
7. Sự hợp tác quốc tế (nếu có).
8. Đề xuất cơ quan quản lý, cơ quan phối hợp và các cơ quan thực hiện chương trình, dự án.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp lựa chọn danh mục các chương trình quốc gia do các Bộ đề xuất và dự kiến cơ quan quản lý chương trình, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét để trình Quốc hội quyết định cùng với kế hoạch hàng năm và 5 năm. Sau khi được Quốc hội phê chuẩn, cơ quan quản lý chương trình quốc gia (sau đây gọi là Bộ quản lý chương trình quốc gia) chủ động xây dựng đề án chương trình quốc gia, có sự phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.

II. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

Việc xây dựng chương trình quốc gia được tiến hành vào giai đoạn xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn. Thường vào khoảng tháng 7, tháng 8 hàng năm.

Nội dung bản đề án chương trình quốc gia theo Điều 6 của Quyết định số 531-TTg được cụ thể như sau:

1. Các căn cứ để xây dựng chương trình quốc gia:

1.1. Xác định yêu cầu khách quan phải hình thành chương trình, bao gồm:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng tình hình thuộc lĩnh vực của chương trình quốc gia sẽ xử lý.

- Căn cứ vào các số liệu và các chỉ tiêu đặc trưng nhất về kinh tế - xã hội trong một số năm để xem xét xu hướng phát triển của vấn đề mà chương trình sẽ giải quyết.

1.2. So sánh các chỉ tiêu giữa các vùng, các khu vực và quốc tế để rút ra mức độ cấp bách của vấn đề phải giải quyết.

2. Mục tiêu của chương trình quốc gia:

Mục tiêu của chương trình quốc gia phải nằm trong Chiến lược chung về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chương trình quốc gia có thể có một hoặc một số mục tiêu, nhưng các mục tiêu phải rõ ràng, lượng hóa được và cũng dễ dàng trong việc kiểm tra, đánh giá. Có thể phân định mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài khi kết thúc chương trình quốc gia.

3. Thời gian thực hiện chương trình quốc gia:

Là thời gian cần thiết cho việc đạt được mục tiêu của chương trình. Thời gian này phải có giới hạn, thường là 5 năm.

4. Phạm vi hoạt động:

Phạm vi hoạt động của toàn bộ chương trình và từng dự án là giới hạn tác động trực tiếp của chương trình đến ngành nào, lĩnh vực nào, vùng nào hay đối với cả nước.

5. Các giải pháp cần thiết bảo đảm thực thi chương trình:

5.1. Giải pháp về nguồn vốn:

- Giải pháp về nguồn vốn của chương trình quốc gia là xác định các biện pháp để đảm bảo tổng mức vốn cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu của chương trình. Tổng mức vốn được tính toán căn cứ vào mức vốn của từng dự án cho cả thời kỳ thực hiện chương trình và từng năm. Tổng mức vốn của chương trình phải được phân chia cho từng năm.

- Vốn huy động cho chương trình bao gồm:

- a) Vốn ngân sách Nhà nước (kể cả vốn vay nợ của Chính phủ và vốn viện trợ),

- b) Vốn tín dụng trong nước,

- c) Vốn huy động từ cộng đồng (bao gồm cả bằng tiền ngày công lao động và hiện vật)...

Các nguồn vốn trên đây phải được nêu rõ về các biện pháp huy động, phương thức vay, trả và phân tích hiệu quả.

5.2. Giải pháp về nhân lực:

- Bao gồm các giải pháp đảm bảo đủ nhân lực để thực hiện chương trình quốc gia, gồm cả ở khâu quản lý và khâu thực hiện.

- Tính toán chi phí quản lý, chi phí đào tạo kể cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài (nếu có).

5.3. Giải pháp về vật tư, nguyên liệu, phương tiện, máy móc:

- Mô tả công nghệ lựa chọn về đặc trưng kinh tế - kỹ thuật, đánh giá mức độ thích hợp, ưu điểm và hạn chế;

- Nguồn cung cấp công nghệ, thiết bị và lựa chọn;

- Danh mục giá trang thiết bị chủ yếu và phương thức mua sắm (đấu thầu trong nước hay quốc tế...).

6. Hiệu quả của chương trình:

Khi xây dựng cũng như khi đánh giá tình hình thực hiện chương trình quốc gia, các Bộ quản lý chương trình phải xác định được kết quả của chương trình thông qua các chỉ tiêu, chỉ số về các mặt: lợi ích kinh tế - xã hội đem lại; đối tượng được thụ hưởng từ kết quả hoạt động của toàn bộ chương trình và từng dự án; vấn đề môi sinh và việc nâng cao năng lực quản lý của cán bộ v.v...

7. Đề xuất và kiến nghị các cơ chế, chính sách:

Các chính sách cụ thể áp dụng cho chương trình và nội dung lồng ghép, hợp tác quốc tế của chương trình (nếu có).

7.1. Lồng ghép mục tiêu và hoạt động của chương trình:

Các Bộ quản lý chương trình quốc gia có trách nhiệm đề xuất việc lồng ghép các mục tiêu, hoạt động trùng lặp với các chương trình quốc gia khác (nếu có) và mô hình, cơ chế cho việc lồng ghép.

7.2. Vấn đề cần hợp tác quốc tế của chương trình (nếu có):

Nếu có sự hợp tác với nước ngoài cho việc thực hiện chương trình, Bộ quản lý chương trình quốc gia phải nói rõ mục đích, nội dung, hình thức hợp tác và nguồn lực của các bên tham gia hợp tác (phía nước ngoài và Chính phủ Việt Nam) cũng như thời gian để thực hiện và những vấn đề cần xin ý kiến Chính phủ xử lý.

7.3. Các cơ chế chính sách cần ban hành để áp dụng cho việc thực hiện chương trình.

8. Tổ chức quản lý thực hiện chương trình:

Xác định bộ máy và cơ chế hoạt động của chương trình quốc gia gồm:

8.1. Ban Chủ nhiệm chương trình quốc gia thuộc Bộ quản lý chương trình quốc gia. Ban Chủ nhiệm này có thể giao trực tiếp cho một đơn vị có sẵn trong Bộ thực hiện, hoặc lập một Ban Chủ nhiệm trực thuộc thật gọn nhẹ, hoặc Ban Chủ nhiệm chung cho một số chương trình trong Bộ (nếu có);

8.2. Hệ thống bộ máy thực hiện chương trình (gồm các Bộ, ngành và địa phương liên quan);

8.3. Hệ thống các cơ quan phối hợp điều hành chương trình (nếu có);

8.4. Quy chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình.

9. Theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình quốc gia:

9.1. Xác định hệ thống các chỉ tiêu phản ánh tình hình triển khai chương trình và các dự án trong chương trình, bao gồm các chỉ tiêu đầu vào, đầu ra và các chỉ số về tác động của chương trình, dự án.

9.2. Xác định chế độ thu thập, báo cáo thông tin về tình hình thực hiện chương trình, dự án. Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá cho cả chương trình và từng dự án, bao gồm thời gian tiến hành, cơ quan thực hiện, nội dung theo dõi, đánh giá, cơ quan nhận báo cáo và lịch trình báo cáo.

10. Các dự án trong chương trình quốc gia:

Căn cứ vào Điều 2 của Quyết định số 531-TTg, dự án trong chương trình quốc gia được xây dựng

nhằm giải quyết một mục tiêu hoặc một nhóm mục tiêu cụ thể của chương trình trong một khoảng thời gian và địa bàn cụ thể.

Đối với các dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp thuộc ngân sách Nhà nước phải có nội dung cơ bản như sau:

1. Tên dự án.
2. Cơ quan quản lý dự án, cơ quan thực hiện, cơ quan phối hợp.
3. Các mục tiêu và nội dung chủ yếu của dự án:
 - Khái quát tình hình chung, lý do và sự cần thiết của dự án.
 - Xác định các mục tiêu cụ thể của dự án trong mối quan hệ với mục tiêu chung của chương trình quốc gia.
 - Xác định nội dung, nhiệm vụ cơ bản của dự án.
4. Các giải pháp thực hiện dự án:
 - Các phương án về địa điểm cụ thể để triển khai dự án;
 - Yêu cầu tài chính, phân theo nguồn bảo đảm và nội dung chi tiêu;
 - Kiến nghị về cơ chế, chính sách thực hiện dự án, trong đó nội dung và cơ chế lồng ghép (nếu có);
 - Mô hình, tổ chức quản lý và cơ chế hoạt động.
5. Thời gian thực hiện dự án: Thời gian bắt đầu và kết thúc.
6. Đối tượng thụ hưởng dự án, ước tính hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.
7. Kế hoạch thực hiện các hoạt động chủ yếu của dự án chia theo từng năm.

III. THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

Sau khi đã hoàn thành việc soạn thảo văn bản chương trình quốc gia, Bộ quản lý chương trình gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định trước khi

tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm.

1. Hồ sơ thẩm định chương trình gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định chương trình quốc gia của Bộ quản lý chương trình;
- Văn bản chương trình quốc gia đã được Bộ thông qua;
- Ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan;
- Các tài liệu cần thiết có liên quan khác (nếu có).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tiến hành thẩm định chương trình quốc gia.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm làm báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt chương trình quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Thời gian thẩm định chương trình quốc gia không quá 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Nội dung thẩm định chương trình quốc gia tập trung vào các điểm sau:

- Mục tiêu của chương trình: được xem xét, đối chiếu với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước;
- Các giải pháp thực hiện chương trình bao gồm cả các giải pháp về nguồn lực, khả năng cân đối tài chính;
- Thời gian thực hiện chương trình;
- Kết quả thực hiện và hiệu quả kinh tế - xã hội của chương trình;
- Cách tổ chức thực hiện chương trình.

Khi thẩm định chương trình, sẽ xem xét và thỏa thuận về số lượng, mục tiêu, nội dung của các dự án trong chương trình và việc lồng ghép chương trình (nếu có).

3. Dự thảo quyết định phê duyệt chương trình quốc gia:

Nội dung chủ yếu của quyết định bao gồm:

- Xác định tên và Bộ quản lý chương trình.
- Mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.
- Thời gian và không gian thực hiện chương trình, các mốc tiến độ chính.

- Tổng mức vốn và nguồn vốn huy động, trong đó phần ngân sách Nhà nước đầu tư cho chương trình.

- Trách nhiệm các cơ quan phối hợp thực hiện chương trình.

- Các cơ chế chính sách để thực hiện chương trình.

- Hiệu quả của chương trình.

IV. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 9 của Quyết định số 531-TTg đã quy định rõ nhiệm vụ của các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ quản lý chương trình quốc gia về điều chỉnh nội dung chương trình quốc gia.

Thông tư này chỉ hướng dẫn thêm một số điểm cụ thể như sau:

1. Trong khi xây dựng kế hoạch hàng năm hoặc 5 năm, nếu các điều kiện cân đối hoặc mục tiêu của chương trình thay đổi, Bộ quản lý chương trình quốc gia phải có đề xuất bằng văn bản đề nghị điều chỉnh chương trình trình Chính phủ, đồng gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính vào tháng 7, tháng 8 hàng năm.

Nội dung của văn bản điều chỉnh chương trình quốc gia theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 531-TTg.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức thẩm định văn bản đề nghị điều chỉnh chương trình.

Nếu nội dung điều chỉnh làm thay đổi chỉ tiêu pháp lệnh và thay đổi tổng dự toán chi chương trình quốc gia do Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp và có văn bản trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Bộ quản lý chương trình quốc gia điều chỉnh mục tiêu các hoạt động cho các dự án chương trình quốc gia do các Bộ, ngành và địa phương thực hiện trong tổng mức ngân sách được giao.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Các Bộ, ngành, địa phương thực hiện chương trình (đơn vị thực hiện) gửi báo cáo định kỳ

(hàng quý và năm) về Ban Chủ nhiệm chương trình quốc gia về tình hình thực hiện mục tiêu, kinh phí cho từng hoạt động cụ thể, những vướng mắc, khó khăn hoặc bất cập cần giải quyết hay điều chỉnh v.v... theo mẫu biểu quy định thống nhất.

- Bộ quản lý chương trình quốc gia chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ (quý, năm) về tình hình thực hiện chương trình quốc gia gửi Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo mẫu biểu quy định.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, đánh giá tình hình, kiến nghị các giải pháp trình Thủ tướng Chính phủ xử lý những vướng mắc, uốn nắn kịp thời những sai lệch trong quá trình thực hiện, đảm bảo không chệch mục tiêu cuối cùng của chương trình quốc gia.

VI. LỒNG GHÉP CÁC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

Điều 8 của Quyết định số 531-TTg đã quy định rõ nguyên tắc, nội dung, chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan trong việc lồng ghép các chương trình quốc gia và được thực hiện theo cơ chế như sau:

Việc lồng ghép các chương trình quốc gia phải được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý chương trình tiến hành ngay từ khâu đề xuất, xây dựng và thẩm định chương trình trước khi Thủ tướng Chính phủ quyết định, trên cơ sở đó hướng dẫn các địa phương thực hiện việc lồng ghép giữa các chương trình trên cùng địa bàn thống nhất với chỉ đạo của Trung ương, cụ thể là:

Ở Trung ương: Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ quản lý chương trình quốc gia tiến hành lồng ghép các mục tiêu, các hoạt động của chương trình mang tính chất trùng lặp, bảo đảm đúng nguyên tắc công việc của ngành nào thì do ngành đó làm và hướng hoạt động của các chương trình quốc gia vào những địa bàn cần ưu tiên.

Ở cấp tỉnh: trên cơ sở vốn và mục tiêu của chương trình quốc gia đã được Chính phủ giao, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành lồng ghép các hoạt động giống nhau trên địa bàn, phân bổ mục tiêu, vốn theo mục tiêu của từng chương trình và giao kế hoạch cho các quận, huyện, các ban,

ngành để thực hiện; tổ chức điều hành các quận, huyện và các Sở chuyên ngành triển khai thực hiện các mục tiêu của chương trình quốc gia trên địa bàn.

Ở cấp quận, huyện: Quận, huyện là cấp chịu trách nhiệm chính về tổ chức thực hiện các hoạt động của các chương trình quốc gia trên địa bàn. Các chương trình quốc gia phải được giao tập trung vào một đầu mối là Ủy ban Nhân dân quận, huyện để chỉ đạo thực hiện như là một chương trình tổng thể chung cho cả huyện, nhưng phải tuân thủ việc thực hiện mục tiêu của từng chương trình quốc gia. Huyện phải chỉ ra được ở từng xã có chương trình quốc gia nào hoạt động làm căn cứ cho việc lồng ghép các chương trình và dần dần hình thành một hệ thống nối mạng thông tin về quản lý các chương trình quốc gia từ xã đến huyện, tỉnh và trung ương.

Phần III

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

I. KẾ HOẠCH HÓA NGUỒN LỰC CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

1. Hàng năm, theo hướng dẫn xây dựng kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, các Bộ, địa phương thực hiện chương trình quốc gia phải đánh giá tình hình thực hiện năm báo cáo, đề xuất nhu cầu năm kế hoạch, kiến nghị thay đổi mục tiêu dự án và vốn của chương trình trên địa bàn khi thấy mục tiêu dự án đó không phù hợp và không sát với tình hình thực tế của địa phương (nếu có) gửi cho Bộ quản lý chương trình quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

2. Căn cứ vào mục tiêu 5 năm và hàng năm của chương trình quốc gia, Bộ quản lý chương trình quốc gia đánh giá tình hình thực hiện chương trình năm báo cáo, tổng hợp đề xuất nhu cầu nguồn lực năm kế hoạch cho chương trình, bao gồm vốn ngân sách Nhà nước (vốn đầu tư cơ bản, vốn sự nghiệp, vốn vay và viện trợ nước ngoài của Chính phủ), vốn tín dụng trong nước, vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân... gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

3. Sau khi nhận được nhu cầu của cơ quan chủ quản chương trình quốc gia, của các Bộ, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp các nhiệm vụ, mục tiêu của các chương trình quốc gia và đề xuất các nguồn lực để đảm bảo thực hiện được các mục tiêu chương trình quốc gia trong kỳ kế hoạch.

II. PHÂN BỐ VỐN VÀ GIAO KẾ HOẠCH CHO CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

1. Phân bổ vốn:

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối mức ngân sách Nhà nước dành cho các chương trình quốc gia trong tổng dự toán ngân sách Nhà nước để Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định; sau khi được Quốc hội thông qua, Bộ Tài chính thông báo tổng mức kinh phí của từng chương trình quốc gia cho cơ quan quản lý chương trình quốc gia.

- Cơ quan quản lý chương trình quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ dự toán chi chương trình quốc gia cho các Bộ, ngành, địa phương; gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào dự toán ngân sách của từng Bộ, ngành, địa phương trình Chính phủ giao chính thức.

2. Giao kế hoạch kinh phí cho chương trình quốc gia:

- Thủ tướng Chính phủ giao tổng vốn thực hiện các chương trình quốc gia cho các Bộ, địa phương trực tiếp thực hiện trong tổng mức ngân sách chung của từng Bộ, địa phương theo kế hoạch hàng năm.

- Sau khi Chính phủ giao nhiệm vụ thu chi ngân sách cho từng Bộ, ngành, địa phương, Ban Quản lý chương trình quốc gia của các Bộ, ngành, địa phương phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp phân bổ chi tiết cho các đơn vị trực thuộc, trình cấp có thẩm quyền quyết định và giao cho các đơn vị thực hiện.

- Các đơn vị sử dụng ngân sách có trách nhiệm lập dự toán chi tiết theo Mục lục ngân sách Nhà nước, đúng chế độ, mục tiêu và mức chi đã được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Cơ chế cấp phát và quản lý vốn chương trình quốc gia:

Theo Điều 13 của Quyết định số 531-TTg, phần vốn từ ngân sách để thực hiện chương trình quốc gia được bố trí từ ngân sách trung ương đầu tư cho các chương trình quốc gia. Vốn của chương trình quốc gia phải được cấp phát, quản lý và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn kèm theo.

- Kinh phí để thực hiện chương trình quốc gia được bố trí từ ngân sách trung ương, do Bộ Tài chính cấp trực tiếp cho các Bộ, ngành để thực hiện các dự án do trung ương quản lý và cấp ủy quyền qua Sở Tài chính - Vật giá để thực hiện các dự án của chương trình do địa phương quản lý.

Việc cấp phát, quản lý, quyết toán kinh phí chi cho chương trình quốc gia được thực hiện theo Thông tư số 9-TC/NSSN ngày 18-3-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cấp phát, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước và các hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

- Đối với các chương trình quốc gia vừa có các khoản chi thường xuyên vừa có các khoản chi mang tính chất xây dựng cơ bản, thì phần chi mang tính chất đầu tư xây dựng cơ bản trong chương trình quốc gia, các đơn vị sử dụng ngân sách phải làm đầy đủ các thủ tục về đầu tư và xây dựng.

- Phần kinh phí bằng nguồn vốn tín dụng cho chương trình quốc gia phải tuân thủ các quy định về thể lệ tín dụng của Chính phủ và của các ngành có liên quan.

- Phần kinh phí viện trợ của chương trình quốc gia (nếu có) phải thực hiện theo quy chế quản lý ODA (Nghị định số 20-CP của Chính phủ về Quy chế Quản lý và sử dụng vốn ODA) và các văn bản liên quan.

- Việc mua sắm trang thiết bị, vật tư, thuốc, hóa chất... phục vụ cho hoạt động của chương trình quốc gia, phải thực hiện theo sự chỉ đạo về giá của Nhà nước và Quy chế Đấu thầu hiện hành. Đối với các sản phẩm được sản xuất từ đơn vị sự nghiệp để cung cấp cho chương trình quốc gia, việc quy định mức giá phải có ý kiến của các ngành vật giá, kế hoạch, tài chính cấp tương đương.

- Đối với các chương trình có nguồn thu và đối với nguồn vốn huy động được từ nhân dân, Chủ nhiệm chương trình quốc gia và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện chương trình được sử dụng vào các công việc thuộc nội dung chương trình, nhưng

phải báo cáo Bộ quản lý chương trình quốc gia, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư và phải thanh quyết toán theo các quy định hiện hành.

- Bộ quản lý chương trình quốc gia phối hợp với Bộ Tài chính ban hành thông tư hướng dẫn nội dung chi tiêu cụ thể phù hợp với từng mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình quốc gia trong phạm vi ngân sách được duyệt và thông báo hàng năm.

- Bộ quản lý chương trình quốc gia có trách nhiệm quản lý, điều hành và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí đầu tư cho các chương trình quốc gia và báo cáo tình hình sử dụng kinh phí hàng quý, hàng năm cho cơ quan tài chính đồng cấp để theo dõi, cấp phát và kiểm tra.

Phần IV

QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

1. Ban Chủ nhiệm chương trình quốc gia:

Ban Chủ nhiệm chương trình quốc gia được Bộ quản lý chương trình quốc gia thành lập, nhằm giúp Bộ trưởng quản lý, tổ chức thực hiện chương trình và được giải thể khi kết thúc chương trình. Chủ nhiệm chương trình là một đồng chí lãnh đạo Bộ và các thành viên gồm đại diện có thẩm quyền của các bộ phận: kế hoạch, tài vụ và các bộ phận có liên quan. Ban Chủ nhiệm hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được sử dụng phần kinh phí quản lý chương trình cho các công việc theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình.

Quy chế hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình quốc gia do Bộ quản lý chương trình quyết định trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Quyết định số 531-TTg và Thông tư liên Bộ này.

Đối với những chương trình quốc gia có tầm quan trọng đặc biệt, cần có thành viên của các Bộ và địa phương tham gia Ban Chủ nhiệm, sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành phần và cơ chế hoạt động riêng.

Nhiệm vụ, chức năng của Ban Chủ nhiệm chương trình quốc gia:

- Thay mặt Bộ quản lý chương trình quốc gia, chỉ đạo, bố trí nhân sự, tổ chức thực hiện chương trình quốc gia.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ (quý, năm) về tình hình thực hiện chương trình

quốc gia theo đúng chế độ quy định (Mục V - Chế độ báo cáo thực hiện chương trình quốc gia), giải trình những vấn đề chưa rõ trong hoạt động của chương trình quốc gia theo yêu cầu của Chính phủ để kịp thời chấn chỉnh hay báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý.

- Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan trong việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình quốc gia, làm báo cáo tổng kết hoàn thành chương trình trình Bộ trưởng Bộ quản lý chương trình để trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan đầu mối giúp Chính phủ điều hành các chương trình quốc gia:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ trong việc điều hành các chương trình quốc gia, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp tình hình thực hiện chương trình quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng quý và năm, phát hiện các khó khăn, vướng mắc và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các biện pháp xử lý kịp thời.

3. Ban Chỉ đạo chương trình quốc gia địa phương:

Điều 18 của Quyết định số 531-TTg quy định các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình quốc gia của địa phương để giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trong công tác lập kế hoạch, thực hiện và điều hành các chương trình quốc gia trên địa bàn.

Ban Chỉ đạo chương trình quốc gia địa phương có nhiệm vụ:

- Làm tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trong việc lồng ghép, phân bổ mục tiêu và vốn chương trình quốc gia cho các quận, huyện và các ban, ngành để thực hiện.

- Triển khai việc tổ chức thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia trên địa bàn.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ hàng quý, năm theo biểu mẫu quy định đối với từng chương trình cụ thể, đánh giá chung tình hình thực hiện chương trình quốc gia của địa phương gửi về Ban Chủ nhiệm chương trình quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

- Giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố kiến nghị thay đổi, hoặc điều chỉnh mục tiêu dự án

nếu thấy có những điểm không thật phù hợp với thực tế của địa phương, hoặc phát hiện những điểm chưa sát trong các dự án có thể ảnh hưởng đến mục tiêu, hiệu quả của chương trình quốc gia gửi Bộ quản lý chương trình quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là thường trực Ban Chỉ đạo chương trình quốc gia địa phương có nhiệm vụ giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào tình hình thực tế và kế hoạch hàng năm và 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở chuyên ngành để tham gia ý kiến về xây dựng các chương trình quốc gia, về phân bổ mục tiêu và nguồn lực cũng như cơ chế quản lý, điều hành các chương trình quốc gia với các Bộ quản lý chương trình quốc gia và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phần V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư liên Bộ này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Các chương trình quốc gia chưa được Chính phủ phê duyệt bằng văn bản và chưa đủ các thủ tục theo quy định tại Quyết định số 531-TTg phải theo đúng các hướng dẫn của Thông tư này ngay trong kế hoạch năm 1997.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy có khó khăn, vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
NGUYỄN SINH HÙNG

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
TRẦN XUÂN GIÁ

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

QUYẾT ĐỊNH số 568-QĐ/QLCN ngày 16-5-1997 về việc ban hành Quy chế về Tổ chức và phương thức hoạt động của Ban Điều phối Quốc gia mạng Internet ở Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 22-CP ngày 22-5-1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21-CP ngày 5-3-1997 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập, sử dụng mạng INTERNET; Quyết định số 136-TTg ngày 5-3-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Điều phối Quốc gia mạng INTERNET ở Việt Nam và Quyết định số 300-TTg ngày 8-5-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm các thành viên Ban Điều phối Quốc gia mạng INTERNET;

Xét đề nghị của các thành viên Ban Điều phối Quốc gia mạng INTERNET tại cuộc họp ngày 25 tháng 5 năm 1997;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về Tổ chức và phương thức hoạt động của Ban Điều phối Quốc gia mạng Internet ở Việt Nam.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3.- Các Bộ, ngành và địa phương, các cơ quan và cá nhân là thành viên Ban Điều phối Quốc gia mạng INTERNET ở Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Quản lý Công nghệ, Chánh Văn phòng